TĂNG CƯỜNG TÍNH CHỦ ĐỘNG CỦA SINH VIÊN TRONG HỌC TIẾNG TRUNG THÔNG QUA CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC

Phan Mi Lan
Học viện An ninh

Tóm tắt: *Bài viết phân tích vai trò của tính chủ động trong học tiếng Trung ở bậc đại học và làm rõ ba hướng dạy học tích cực: dạy học theo nhiệm vụ và tình huống giao tiếp; dạy học hợp tác và tăng cường tương tác; kết hợp công nghệ số với tự học và học tập trải nghiệm. Kết quả cho thấy việc tổ chức các hoạt động học tập phù hợp có thể tăng cơ hội sử dụng tiếng Trung, phát triển khả năng tự học, hợp tác và vận dụng ngôn ngữ của sinh viên. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng đổi mới phương pháp và vai trò của giảng viên nhằm xây dựng môi trường học tập lấy người học làm trung tâm, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Trung ở đại học.*

Từ khóa*: tiếng Trung, tính chủ động, dạy học tích cực, sinh viên, tự học.*

INCREASING STUDENTS' PROACTIVENESS IN CHINESE LANGUAGE LEARNING THROUGH ACTIVE TEACHING METHODS

Abstract: *This article analyzes the role of learner proactivity in university-level Chinese language studies and outlines three active teaching approaches: task-based and situational communication instruction; collaborative learning and interaction enhancement; and the integration of digital technology with self-study and experiential learning. The findings indicate that organizing appropriate learning activities can increase opportunities for using Chinese while fostering students' self-study skills, collaboration, and practical language application. Based on these insights, the article proposes directions for innovating teaching methods and redefining the instructor's role to create a learner-centered environment, thereby contributing to the enhanced effectiveness of Chinese language instruction at the university level.*

Keywords*: Chinese language, proactivity, active teaching, students, self-study.*

Nhận bài: 25/07/2026 Phản biện: 25/08/2026 Duyệt đăng: 28/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và mở rộng giao lưu, hợp tác Việt Nam – Trung Quốc, năng lực sử dụng tiếng Trung ngày càng có ý nghĩa đối với học tập, việc làm và giao tiếp của sinh viên. Tuy nhiên, đặc thù của tiếng Trung đòi hỏi người học không chỉ nắm vững phát âm, từ vựng, ngữ pháp mà còn phải thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc, viết và vận dụng ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể. Nếu quá trình dạy học chủ yếu dựa vào giảng giải, ghi nhớ và luyện tập theo mẫu, sinh viên dễ hình thành thói quen tiếp nhận kiến thức thụ động, trong khi thời gian sử dụng tiếng Trung và cơ hội tự điều chỉnh việc học còn hạn chế.

Trong dạy học ngoại ngữ, năng lực ngôn ngữ được hình thành thông qua quá trình thực hành, tương tác và tự học liên tục. Vì vậy, phát huy tính chủ động của sinh viên cần được xem là một yêu cầu quan trọng của đổi mới phương pháp dạy học tiếng Trung ở đại học. Tính chủ động không chỉ thể hiện ở mức độ tham gia các hoạt động trên lớp mà còn ở khả năng tự xác định mục tiêu, tìm kiếm và xử lý thông tin, hợp tác với bạn học, tự đánh giá và vận dụng kiến thức vào những tình huống mới.

Từ yêu cầu đó, bài viết tập trung phân tích vai trò của tính chủ động trong học tiếng Trung và làm rõ khả năng vận dụng một số phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự tham gia của sinh viên. Trọng tâm được triển khai theo ba hướng: dạy học theo nhiệm vụ và tình huống giao tiếp; dạy học hợp tác và tăng cường tương tác; kết hợp công nghệ số với tự học và học tập trải nghiệm. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số yêu cầu đối với giảng viên trong thiết kế hoạt động, tổ chức lớp học và đánh giá người học, góp phần xây dựng môi trường dạy học tiếng Trung theo hướng phát huy vai trò chủ thể và năng lực tự học của sinh viên.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tính chủ động của sinh viên trong học tiếng trung

Tính chủ động của sinh viên trong học ngoại ngữ được hiểu là khả năng người học tự giác tham gia, tự định hướng và chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập của mình. Đây không đơn thuần là việc sinh viên "tham gia nhiều" vào giờ học mà còn liên quan đến mức độ họ có thể tự xác định mục tiêu, lựa chọn cách thức học tập, giải quyết nhiệm vụ và đánh giá kết quả.

Đối với tiếng Trung, tính chủ động càng có ý nghĩa bởi quá trình hình thành năng lực ngôn ngữ đòi hỏi sự luyện tập thường xuyên và liên tục. Một sinh viên có thể nắm được quy tắc ngữ pháp hoặc ghi nhớ một lượng lớn từ vựng nhưng nếu không chủ động sử dụng, khả năng chuyển hóa kiến thức thành năng lực giao tiếp sẽ hạn chế.

Tính chủ động trong học tiếng Trung có thể được thể hiện qua bốn biểu hiện cơ bản. Thứ nhất, sinh viên chủ động về nhận thức, thể hiện ở việc tự tìm hiểu nội dung, đặt câu hỏi, phát hiện vấn đề và kết nối kiến thức mới với những gì đã học. Thứ hai, sinh viên chủ động trong hành động, tích cực tham gia các nhiệm vụ nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp trên lớp. Thứ ba, sinh viên chủ động trong tương tác, biết phối hợp với bạn học, trao đổi và phản hồi trong các hoạt động nhóm. Thứ tư, sinh viên chủ động trong tự học, biết tìm kiếm tài liệu, sử dụng công cụ số, luyện tập ngoài giờ và tự đánh giá tiến bộ của bản thân.

Như vậy, phát triển tính chủ động cần được xem là một quá trình xuyên suốt, trong đó hoạt động trên lớp và tự học ngoài lớp có sự liên kết chặt chẽ. Điều này đòi hỏi giảng viên phải thiết kế các hoạt động sao cho sinh viên không chỉ "nghe giảng" mà phải suy nghĩ – thực hiện – tương tác – phản hồi – điều chỉnh.

2.2. Một số phương pháp dạy học tích cực nhằm tăng cường tính chủ động của sinh viên

2.2.1. Dạy học theo nhiệm vụ và tình huống giao tiếp

Dạy học theo nhiệm vụ là một hướng tiếp cận phù hợp với đặc điểm của môn ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung nói riêng. Thay vì bắt đầu từ việc cung cấp một lượng lớn kiến thức ngôn ngữ, giảng viên có thể thiết kế những nhiệm vụ yêu cầu sinh viên sử dụng kiến thức để hoàn thành một mục tiêu cụ thể.

Chẳng hạn, trong bài học về chủ đề mua sắm, thay vì chỉ cung cấp từ vựng liên quan đến giá cả, màu sắc, kích thước và phương thức thanh toán, giảng viên có thể tổ chức tình huống "khách hàng – nhân viên bán hàng". Sinh viên phải sử dụng tiếng Trung để hỏi giá, lựa chọn sản phẩm, thương lượng và thực hiện giao dịch. Trong bài học về du lịch, sinh viên có thể được giao nhiệm vụ xây dựng một lịch trình tham quan bằng tiếng Trung và trình bày trước lớp.

Điểm quan trọng của phương pháp này là nhiệm vụ phải tạo ra nhu cầu sử dụng ngôn ngữ. Khi muốn hoàn thành nhiệm vụ, sinh viên buộc phải huy động vốn từ, cấu trúc câu và kỹ năng giao tiếp đã học. Nhờ đó, kiến thức không tồn tại một cách tách rời mà được đặt trong ngữ cảnh sử dụng.

Giảng viên có thể xây dựng nhiệm vụ theo ba bước. Trước hết là chuẩn bị, cung cấp từ khóa, mẫu câu hoặc tài liệu cần thiết. Tiếp theo là thực hiện, để sinh viên tự giải quyết nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm. Cuối cùng là phản hồi và mở rộng, trong đó sinh viên trình bày sản phẩm, nhận xét lẫn nhau và điều chỉnh cách sử dụng ngôn ngữ.

Cách tổ chức này giúp thay đổi vai trò của sinh viên từ người tiếp nhận sang người thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, giảng viên có thêm cơ hội quan sát quá trình sử dụng tiếng Trung của sinh viên để đưa ra phản hồi phù hợp.

Một ưu điểm khác của dạy học theo tình huống là có thể gắn nội dung môn học với đời sống. Những tình huống như hỏi đường, đặt phòng khách sạn, phỏng vấn xin việc, giới thiệu bản thân, giao tiếp tại nhà hàng, thuyết trình về văn hóa Trung Quốc... đều có khả năng tạo động lực cho sinh viên. Khi nhận thấy tiếng Trung có giá trị sử dụng thực tế, sinh viên sẽ có xu hướng chủ động hơn trong quá trình học tập.

2.2.2. Dạy học hợp tác và tăng cường tương tác trong lớp học

Nếu dạy học theo nhiệm vụ tạo ra yêu cầu sử dụng tiếng Trung thì dạy học hợp tác tạo ra môi trường để sinh viên thực hiện nhiệm vụ thông qua tương tác. Đây là phương pháp đặc biệt phù hợp với các học phần rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

Thay vì để một sinh viên trả lời câu hỏi của giảng viên trong khi những sinh viên khác quan sát, có thể tổ chức lớp thành các cặp hoặc nhóm nhỏ. Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ cụ thể và phải sử dụng tiếng Trung để trao đổi, thống nhất và đưa ra sản phẩm chung.

Ví dụ, với chủ đề "Giới thiệu quê hương", mỗi nhóm có thể xây dựng một bài giới thiệu ngắn bằng tiếng Trung. Các thành viên đảm nhiệm những phần khác nhau như địa lý, văn hóa, ẩm thực, danh lam thắng cảnh và con người. Sau khi hoàn thành, nhóm trình bày sản phẩm trước lớp và trả lời câu hỏi từ các nhóm khác.

Phương pháp này có hai tác dụng. Thứ nhất, nó gia tăng thời lượng sử dụng ngôn ngữ của mỗi

sinh viên. Thứ hai, nó tạo ra môi trường tương tác tương đối an toàn, đặc biệt đối với những sinh viên còn thiếu tự tin khi nói tiếng Trung trước toàn lớp.

Giảng viên cần lưu ý rằng hoạt động nhóm chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi nhiệm vụ và vai trò của từng thành viên được xác định rõ. Có thể phân công các vai trò như người điều phối, người ghi chép, người tìm kiếm thông tin, người trình bày và người phản biện. Việc phân công này hạn chế tình trạng một số sinh viên làm việc trong khi những thành viên khác ít tham gia.

Một hình thức khác có thể áp dụng là học tập đồng đẳng. Sinh viên có trình độ tốt hơn được khuyến khích hỗ trợ bạn học trong quá trình luyện tập. Chẳng hạn, khi luyện phát âm hoặc hội thoại, sinh viên có thể làm việc theo cặp và sử dụng bảng tiêu chí đơn giản để nhận xét cho nhau.

Đặc biệt, giảng viên nên tạo ra văn hóa lớp học trong đó sai là một phần tự nhiên của quá trình học ngoại ngữ. Nếu sinh viên lo sợ bị đánh giá khi phát âm hoặc sử dụng cấu trúc chưa chính xác, họ sẽ hạn chế giao tiếp. Ngược lại, nếu lớp học khuyến khích thử nghiệm, sửa lỗi và tiến bộ, mức độ tham gia sẽ được cải thiện.

2.2.3. Kết hợp công nghệ số, tự học và học tập trải nghiệm

Sự phát triển của công nghệ số mở rộng đáng kể không gian học tiếng Trung. Nếu trước đây quá trình học chủ yếu diễn ra trong lớp học và dựa vào giáo trình, hiện nay sinh viên có thể tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng như video, podcast, ứng dụng học từ vựng, nền tảng luyện phát âm, công cụ trí tuệ nhân tạo và các nguồn tài liệu trực tuyến.

Tuy nhiên, công nghệ chỉ thực sự có giá trị khi được tích hợp vào một nhiệm vụ học tập cụ thể. Giảng viên không nên chỉ yêu cầu sinh viên "sử dụng ứng dụng" mà cần xác định rõ sinh viên sử dụng công nghệ để làm gì và kết quả cần đạt được là gì.

Ví dụ, sau một bài học về chủ đề văn hóa Trung Quốc, sinh viên có thể được yêu cầu tìm kiếm một video ngắn bằng tiếng Trung, xác định các từ khóa chính, tóm tắt nội dung và trình bày lại bằng tiếng Trung. Hoạt động này đồng thời phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, nghe hiểu, từ vựng, nói và khả năng tổng hợp.

Đối với việc học từ vựng, sinh viên có thể xây dựng bộ từ vựng cá nhân theo chủ đề. Thay vì chỉ ghi từ và nghĩa tiếng Việt, mỗi từ có thể được kết hợp với pinyin, câu ví dụ, hình ảnh, tình huống sử dụng và một đoạn hội thoại ngắn. Cách học này giúp chuyển từ ghi nhớ máy móc sang sử dụng từ trong ngữ cảnh.

Bên cạnh đó, có thể tổ chức học tập trải nghiệm thông qua các dự án nhỏ. Sinh viên có thể thực hiện dự án "Một ngày sử dụng tiếng Trung", "Khám phá văn hóa Trung Quốc", "Ẩm thực Trung Hoa", "Du lịch Trung Quốc" hoặc "Tiếng Trung trong nghề nghiệp tương lai". Sản phẩm cuối cùng có thể là video, poster, podcast, bài thuyết trình hoặc bài giới thiệu bằng tiếng Trung.

Các hoạt động này giúp kéo dài quá trình học vượt ra ngoài phạm vi lớp học. Sinh viên phải tự tìm kiếm tài liệu, phân công nhiệm vụ, luyện tập, chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm. Vì vậy, tự học trở thành một bộ phận của quá trình dạy học, thay vì được xem là hoạt động bổ sung sau giờ học.

2.3. Điều kiện để phát huy tính chủ động của sinh viên

Việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực không có nghĩa là giảng viên giảm vai trò của mình. Ngược lại, vai trò của giảng viên chuyển từ "truyền đạt kiến thức" sang thiết kế, tổ chức, hướng dẫn và phản hồi.

Trước hết, giảng viên cần thiết kế nhiệm vụ phù hợp với trình độ của sinh viên. Nếu nhiệm vụ quá khó, sinh viên dễ mất động lực; nếu quá đơn giản, hoạt động không tạo được sự thách thức. Vì vậy, nhiệm vụ cần có mức độ vừa sức nhưng vẫn tạo cơ hội để người học phát triển.

Thứ hai, cần đa dạng hóa hình thức đánh giá. Nếu chỉ đánh giá thông qua bài kiểm tra cuối kỳ, sinh viên có thể tập trung vào việc ghi nhớ kiến thức để thi. Ngược lại, đánh giá quá trình thông qua mức độ tham gia, sản phẩm nhóm, bài trình bày, nhiệm vụ cá nhân và khả năng tự đánh giá sẽ khuyến khích sinh viên duy trì sự chủ động trong suốt học kỳ.

Thứ ba, cần xây dựng môi trường học tập khuyến khích giao tiếp. Đối với môn tiếng Trung, không khí lớp học có ảnh hưởng rõ rệt đến mức độ sẵn sàng nói của sinh viên. Giảng viên cần hạn chế việc sửa lỗi quá mức trong khi sinh viên đang giao tiếp, đồng thời ưu tiên phản hồi những lỗi ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hiểu và truyền đạt ý nghĩa.

Thứ tư, cần hướng dẫn sinh viên cách học, chứ không chỉ cung cấp nội dung học. Sinh viên cần biết cách ghi nhớ từ vựng, luyện phát âm, nghe

tiếng Trung, sử dụng tài liệu trực tuyến, kiểm chứng thông tin và tự đánh giá tiến bộ. Đây là nền tảng để tính chủ động được duy trì cả khi không có giảng viên bên cạnh.

III. KẾT LUẬN

Phát huy tính chủ động của sinh viên là một trong những định hướng quan trọng nhằm nâng cao chất lượng dạy học tiếng Trung ở bậc đại học. Do đặc thù của việc học ngoại ngữ đòi hỏi sự luyện tập, tương tác và vận dụng thường xuyên, sinh viên cần được chuyển từ vị trí chủ yếu tiếp nhận kiến thức sang chủ động tham gia, thực hành và tự điều chỉnh quá trình học tập.

Ba hướng dạy học gồm dạy học theo nhiệm vụ và tình huống giao tiếp; dạy học hợp tác và tăng cường tương tác; kết hợp công nghệ số với tự học và học tập trải nghiệm có khả năng tạo ra nhiều cơ hội để sinh viên sử dụng tiếng Trung trong những bối cảnh có ý nghĩa. Các phương pháp này không chỉ hỗ trợ phát triển năng lực ngôn ngữ mà còn góp phần hình thành kỹ năng hợp tác, tự học, giải quyết nhiệm vụ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Để đạt hiệu quả, giảng viên cần chú trọng thiết kế nhiệm vụ phù hợp với trình độ và mục tiêu học tập, tạo môi trường giao tiếp an toàn, đa dạng hóa hình thức đánh giá và hướng dẫn sinh viên các phương pháp tự học. Đồng thời, công nghệ số cần được sử dụng như một công cụ hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chứ không thay thế vai trò của người học và giảng viên. Như vậy, đổi mới dạy học tiếng Trung cần được thực hiện đồng bộ từ phương pháp, môi trường lớp học đến cách thức đánh giá, qua đó từng bước hình thành ở sinh viên thói quen học tập chủ động và khả năng sử dụng tiếng Trung linh hoạt trong học tập, giao tiếp và nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Brown, H. D. (2007). Principles of Language Learning and Teaching. Pearson Education.

Ellis, R. (2003). Task-based Language Learning and Teaching. Oxford University Press.

Freeman, D. L. (2011). Techniques and Principles in Language Teaching. Oxford University Press.

Littlewood, W. (2004). The task-based approach: Some questions and suggestions. ELT Journal, 58(4), 319–326.

Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). Approaches and Methods in Language Teaching. Cambridge University Press.

Slavin, R. E. (2014). Cooperative Learning and Academic Achievement: Why Does Groupwork Work? Anales de Psicología.

Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. Theory into Practice, 41(2), 64–70.